

極小型接頭 系列

規格表與訂購稱呼說明

CHELIC



● MC : 極小型直立型接頭



● ML : 極小型 L型接頭

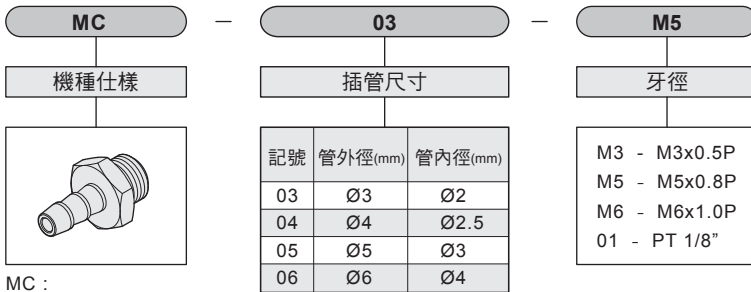


● MT : 極小型 T型接頭

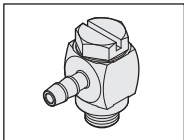
◀ 規格表

使用流體		空氣
最高使用壓力	kgf/cm ² (kPa)	5(500)
使用真空壓力	kPa	-100 kPa
使用溫度範圍	°C	0 ~ 50 °C

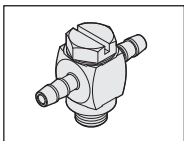
◀ 訂購稱呼代號



MC :
極小型直立型接頭



ML :
極小型 L型接頭



MT :
極小型 T型接頭

SQ □
接頭系列

MSQ □
迷你型接頭

SP □
柱塞/連接管

SQ □ **J**
插管式接頭

SQR □
逆止接頭

SQ □ **G**
壓力計接頭

RQL
L型
迴轉接頭

M □
極小型接頭

不銹鋼接頭

銅接頭

金屬接頭

SC □
調速閥

QS □
調速接頭

QMC
金屬
調速接頭

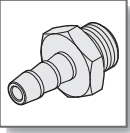
QT
附消音器
排氣節流閥

QH □
手動開關

QV □
球形開關

QST
面板式
調速接頭

PU 管

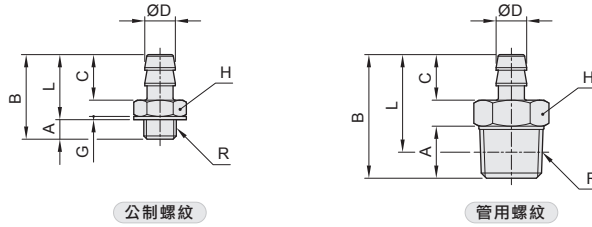


極小型接頭 系列

MC、ML、MT 系列

氣立可空氣壓設備

MC 系列 極小型直立型接頭

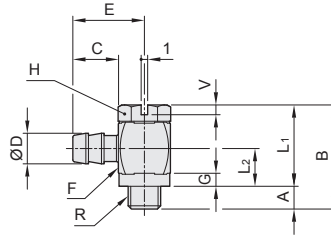


公制螺紋

管用螺紋

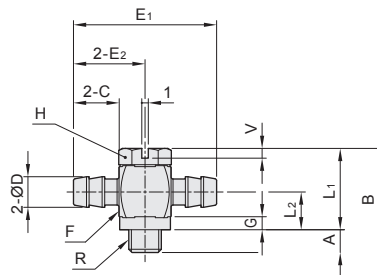
型式	接管內徑	ØD	R	A	B	C	L	G	對邊 H	有效斷面積 mm ²	重量 (g)
MC 03 - M3	2	2.5	M3x0.5	2.5	11	6	8.5	0.5	5.5	0.9	0.6
MC 03 - M5			M5x0.8	3	11.5	6	8.5	0.5	7	0.9	1.5
MC 03 - 01			1/8"	8	18	6	14	-	10	0.9	6.9
MC 04 - M3	2.5	2.9	M3x0.5	2.5	12	7	9.5	0.5	5.5	0.9	0.7
MC 04 - M5			M5x0.8	3	13	7	10	0.5	7	1.7	1.5
MC 04 - M6			M6x1.0	4	14	7	10	0.5	8	1.7	2.5
MC 04 - 01			1/8"	8	19	7	15	-	10	1.7	1.9
MC 05 - M5	3	3.5	M5x0.8	3	13	7	10	0.5	7	2	1.5
MC 06 - M3	4	4.7	M3x0.5	2.5	12	7	9.5	0.5	5.5	0.9	1.1
MC 06 - M5			M5x0.8	3	13	7	10	0.5	7	3.8	1.5
MC 06 - M6			M6x1.0	4	14	7	10	0.5	8	3.8	2.5
MC 06 - 01			1/8"	8	19	7	15	-	10	3.8	7.5

ML 系列 極小型L型接頭

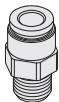


型式	接管內徑	ØD	R	A	B	L ₁	L ₂	C	E	G	V	F	ØP	對邊 H	有效斷面積 mm ²	重量 (g)
ML 03-M3	2	2.5	M3x0.5	2.4	11.5	9.1	4.2	6	8.8	1.5	1	5.5	5	5.5	0.5	1.9
ML 03-M5			M5x0.8	3.4	16	12.6	5.9	6	10	2	1.5	8	7.8	7	0.8	5.5
ML 04-M3	2.5	2.9	M3x0.5	2.4	11.5	9.1	4.2	7	9.8	1.5	1	5.5	5	5.5	0.5	1.9
ML 04-M5			M5x0.8	3.4	16	12.6	5.9	7	11	2	1.5	8	7.8	7	1.2	5.5
ML 06-M5	4	4.7	M5x0.8	3.4	16	12.6	5.9	7	11	2	1.5	8	7.8	7	1.5	6

MT 系列 極小型T型接頭



型式	接管內徑	ØD	R	A	B	L ₁	L ₂	C	E ₁	E ₂	G	V	F	ØP	對邊 H	有效斷面積 mm ²	重量 (g)
MT 03-M3	2	2.5	M3x0.5	2.4	11.5	9.1	4.2	6	17.5	8.8	1.5	1	5.5	5	5.5	0.5	2
MT 03-M5			M5x0.8	3.4	16	12.6	5.9	6	20	10	2	1.5	8	7.8	7	0.8	5.3
MT 04-M3	2.5	2.9	M3x0.5	2.4	11.5	9.1	4.2	7	19.5	9.8	1.5	1	5.5	5	5.5	0.5	2.1
MT 04-M5			M5x0.8	3.4	16	12.6	5.9	7	22	11	2	1.5	8	7.8	7	1.2	5.4
MT 06-M5	4	4.7	M5x0.8	3.4	16	12.6	5.9	7	22	11	2	1.5	8	7.8	7	1.5	6.5



不銹鋼接頭 系列

飛速型接頭

氣立可空氣壓設備

產品編碼說明：

▶ 範例一 **CVMC - 06m 03T**
型號 米厘規格 PT管牙

▶ 範例二 **CVMC - 20i 03N**
型號 英吋規格 NPT管牙

材質代號：

SS304 = 不銹鋼 #304

SS316 = 不銹鋼 #316

插入式		管牙公稱	
		美制	英制
03m = 3mm	10i = 1/8" Ø	03N = 1/8"NPT	03T = 1/8"NPT
06m = 6mm	20i = 1/4" Ø	06N = 1/4"NPT	06T = 1/4"NPT
08m = 8mm	25i = 5/16" Ø	10N = 3/8"NPT	10T = 3/8"NPT
10m = 10mm	30i = 3/8" Ø	15N = 1/2"NPT	15T = 1/2"NPT
12m = 12mm	40i = 1/2" Ø	20N = 3/4"NPT	20T = 3/4"NPT
15m = 15mm	50i = 5/8" Ø	25N = 1"NPT	25T = 1"NPT
16m = 16mm	60i = 3/4" Ø	32N = 1 1/4"NPT	32T = 1 1/4"NPT
18m = 18mm	70i = 7/8" Ø	40N = 1 1/2"NPT	40T = 1 1/2"NPT
20m = 20mm	80i = 1" Ø	50N = 2"NPT	50T = 2"NPT
22m = 22mm			
25m = 25mm			

飛速型接頭


產品特色


- 材質：SUS304 (含配件)。
- 最大耐壓 20 kg/cm²
- 耐酸鹼，耐高溫。
- 改變傳輸方向。
- 用於各式尼龍管、PR、PU管等熱塑軟管。
- 擁有多種尺寸可供搭配組合。

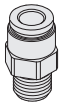
應用範圍

- 用於液態流體（水、油、酸鹼液.....等）氣體流動配管連接。
- 儀器、儀表、配管工程以及低壓、高低溫氣體管路。
- 醫療設備、農業器具、機械零件組裝。
- 食品工業、化學工業、石化工業、水處理產業皆適用。

型式	規格
SS304 - 飛速型接頭 (直內牙)	
	
CVFC - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT
CVFC - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CVFC - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CVFC - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CVFC - 10i06T	1/8" Ø x 1/4" PT
CVFC - 20i06T	1/4" Ø x 1/4" PT
CVFC - 25i06T	5/16" Ø x 1/4" PT
CVFC - 30i06T	3/8" Ø x 1/4" PT

型式	規格
SS304 - 飛速型接頭 (直外牙)	
	
CVMC - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT
CVMC - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT
CVMC - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT
CVMC - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CVMC - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT
CVMC - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT
CVMC - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT
CVMC - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CVMC - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT
CVMC - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT
CVMC - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CVMC - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT
CVMC - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT
CVMC - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT
CVMC - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT
CVMC - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT
CVMC - 20i03T	1/4" Ø x 1/8" PT
CVMC - 20i06T	1/4" Ø x 1/4" PT
CVMC - 20i10T	1/4" Ø x 3/8" PT
CVMC - 20i15T	1/4" Ø x 1/2" PT
CVMC - 25i03T	5/16" Ø x 1/8" PT
CVMC - 25i06T	5/16" Ø x 1/4" PT
CVMC - 25i10T	5/16" Ø x 3/8" PT
CVMC - 25i15T	5/16" Ø x 1/2" PT
CVMC - 30i06T	3/8" Ø x 1/4" PT
CVMC - 30i10T	3/8" Ø x 3/8" PT
CVMC - 30i15T	3/8" Ø x 1/2" PT
CVMC - 40i06T	1/2" Ø x 1/4" PT
CVMC - 40i10T	1/2" Ø x 3/8" PT
CVMC - 40i15T	1/2" Ø x 1/2" PT


型式	規格
SS304 - 飛速型接頭 (彎外牙)	
	
CVME - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT
CVME - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT
CVME - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT
CVME - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CVME - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT
CVME - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT
CVME - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT
CVME - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CVME - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT
CVME - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT
CVME - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CVME - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT
CVME - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT
CVME - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT
CVME - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT
CVME - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT
CVME - 20i03T	1/4" Ø x 1/8" PT
CVME - 20i06T	1/4" Ø x 1/4" PT
CVME - 20i10T	1/4" Ø x 3/8" PT
CVME - 20i15T	1/4" Ø x 1/2" PT
CVME - 25i03T	5/16" Ø x 1/8" PT
CVME - 25i06T	5/16" Ø x 1/4" PT
CVME - 25i10T	5/16" Ø x 3/8" PT
CVME - 25i15T	5/16" Ø x 1/2" PT
CVME - 30i06T	3/8" Ø x 1/4" PT
CVME - 30i10T	3/8" Ø x 3/8" PT
CVME - 30i15T	3/8" Ø x 1/2" PT
CVME - 40i06T	1/2" Ø x 1/4" PT
CVME - 40i10T	1/2" Ø x 3/8" PT
CVME - 40i15T	1/2" Ø x 1/2" PT

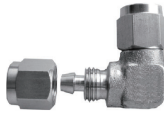


不銹鋼接頭 系列

飛速型接頭、快插式接頭

CHELIC

型式	規格
SS304 - 飛速型接頭 (直由任)	
	
CVU - 04m	4 Ø
CVU - 06m	6 Ø
CVU - 08m	8 Ø
CVU - 10m	10 Ø
CVU - 12m	12 Ø
CVU - 20i	1/4" Ø
CVU - 25i	5/16" Ø
CVU - 30i	3/8" Ø
CVU - 40i	1/2" Ø

型式	規格
SS304 - 飛速型接頭 (彎由任90°)	
	
CVUE - 04m	4 Ø
CVUE - 06m	6 Ø
CVUE - 08m	8 Ø
CVUE - 10m	10 Ø
CVUE - 12m	12 Ø
CVUE - 20i	1/4" Ø
CVUE - 25i	5/16" Ø
CVUE - 30i	3/8" Ø
CVUE - 40i	1/2" Ø

型式	規格
SS304 - 飛速型接頭 (三通由任)	
	
CVUT - 04m	4 Ø
CVUT - 06m	6 Ø
CVUT - 08m	8 Ø
CVUT - 10m	10 Ø
CVUT - 12m	12 Ø
CVUT - 20i	1/4" Ø
CVUT - 25i	5/16" Ø
CVUT - 30i	3/8" Ø
CVUT - 40i	1/2" Ø

快插式接頭


產品特色


- 材質：SUS304 (含配件)。
- 最大耐壓 7~10 kg/cm²
- 耐酸鹼，耐高溫。
- 改變傳輸方向。
- 用於各式尼龍管、PR、PU管等熱塑軟管。
- 擁有多種尺寸可供搭配組合。


應用範圍

- 用於液態流體 (水、油、酸鹼液.....等)、氣體流動配管連接。
- 儀器、儀表、配管工程以及低壓、高低溫氣體管路。
- 醫療設備、農業器具、機械零件組裝。
- 食品工業、化學工業、石化工業、水處理產業皆適用。


型式	規格
SS304 - 快插式接頭 (直內牙)	
	
CPFC - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT
CPFC - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CPFC - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CPFC - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT

型式	規格
SS304 - 快插式接頭 (直外牙)	
	
CPMC - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT
CPMC - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT
CPMC - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT
CPMC - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CPMC - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT
CPMC - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT
CPMC - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT
CPMC - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CPMC - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT
CPMC - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT
CPMC - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CPMC - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT
CPMC - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT
CPMC - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT
CPMC - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT
CPMC - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT

型式	規格
SS304 - 快插式接頭 (彎外牙)	
	
CPME - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT
CPME - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT
CPME - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT
CPME - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CPME - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT
CPME - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT
CPME - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT
CPME - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CPME - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT
CPME - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT
CPME - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CPME - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT
CPME - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT
CPME - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT
CPME - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT
CPME - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT

型式	規格
SS304 - 快插式接頭 (直由任)	
	
CPU - 04m	4 Ø
CPU - 06m	6 Ø
CPU - 08m	8 Ø
CPU - 10m	10 Ø
CPU - 12m	12 Ø

型式	規格
SS304 - 快插式接頭 (彎由任90°)	
	
CPUE - 04m	4 Ø
CPUE - 06m	6 Ø
CPUE - 08m	8 Ø
CPUE - 10m	10 Ø
CPUE - 12m	12 Ø

型式	規格
SS304 - 快插式接頭 (三通由任)	
	
CPUT - 04m	4 Ø
CPUT - 06m	6 Ø
CPUT - 08m	8 Ø
CPUT - 10m	10 Ø
CPUT - 12m	12 Ø

SQ □
接頭系列

MSQ □
迷你型接頭

SP □
柱塞/連接管

SQ □ **J**
插管式接頭

SQR □
逆止接頭

SQ □ **G**
壓力計接頭

RQL
L型
迴轉接頭

M □
極小型接頭

不銹鋼接頭

銅接頭

金屬接頭

SC □
調速閥

QS □
調速接頭

QMC
金屬
調速接頭

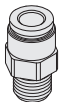
QT
附消音器
排氣節流閥

QH □
手動開關

QV □
球形開關

QST
面板式
調速接頭

PU 管



不銹鋼接頭 系列

喫入式接頭

氣立可空氣壓設備

● 喫入式接頭

產品特色

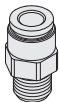
- 材質：SUS316 (含配件)。
- 1/2" 以下最大耐壓 400 kg/cm²
- 耐酸鹼，耐高溫。
- 心套經特殊處理，耐高壓、耐震。
- 擁有多種尺寸可供搭配組合。
- 用於各式金屬管 (軟管可搭配產品使用) 與不同尺寸的金屬管或軟管連接。

應用範圍

- 用於液態流體 (水、油、酸鹼液.....等) 氣體流動配管連接。
- 儀器、儀表、配管工程以及低壓、高低溫氣體管路。
- 海水環境、醫療設備、農業器具、機械零件組裝。
- 食品工業、化學工業、石化工業、水處理產業皆適用。

型式	規格
SS316 - 喫入式接頭 (直外牙)	
CMC - 03m03T	3 Ø x 1/8" PT
CMC - 03m06T	3 Ø x 1/4" PT
CMC - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT
CMC - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT
CMC - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT
CMC - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CMC - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT
CMC - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT
CMC - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT
CMC - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CMC - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT
CMC - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT
CMC - 10m03T	10 Ø x 1/8" PT
CMC - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CMC - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT
CMC - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT
CMC - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT
CMC - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT
CMC - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT
CMC - 12m20T	12 Ø x 3/4" PT
CMC - 14m15T	14 Ø x 1/2" PT
CMC - 15m15T	15 Ø x 1/2" PT
CMC - 16m15T	16 Ø x 1/2" PT
CMC - 16m20T	16 Ø x 3/4" PT
CMC - 18m15T	18 Ø x 1/2" PT
CMC - 18m20T	18 Ø x 3/4" PT
CMC - 19m15T	19 Ø x 1/2" PT
CMC - 19m20T	19 Ø x 3/4" PT
CMC - 20m20T	20 Ø x 3/4" PT
CMC - 22m20T	22 Ø x 3/4" PT
CMC - 25m20T	25 Ø x 3/4" PT
CMC - 25m25T	25 Ø x 1" PT
CMC - 10i03T	1/8" Ø x 1/8" PT
CMC - 10i06T	1/8" Ø x 1/4" PT
CMC - 15i03T	3/16" Ø x 1/8" PT
CMC - 20i03T	1/4" Ø x 1/8" PT
CMC - 20i06T	1/4" Ø x 1/4" PT
CMC - 20i10T	1/4" Ø x 3/8" PT
CMC - 20i15T	1/4" Ø x 1/2" PT
CMC - 25i03T	5/16" Ø x 1/8" PT
CMC - 25i06T	5/16" Ø x 1/4" PT
CMC - 25i10T	5/16" Ø x 3/8" PT
CMC - 25i15T	5/16" Ø x 1/2" PT
CMC - 30i03T	3/8" Ø x 1/8" PT
CMC - 30i06T	3/8" Ø x 1/4" PT
CMC - 30i10T	3/8" Ø x 3/8" PT
CMC - 30i15T	3/8" Ø x 1/2" PT
CMC - 40i06T	1/2" Ø x 1/4" PT
CMC - 40i10T	1/2" Ø x 3/8" PT
CMC - 40i15T	1/2" Ø x 1/2" PT
CMC - 40i20T	1/2" Ø x 3/4" PT
CMC - 50i10T	5/8" Ø x 3/8" PT
CMC - 50i15T	5/8" Ø x 1/2" PT
CMC - 50i20T	5/8" Ø x 3/4" PT
CMC - 60i15T	3/4" Ø x 1/2" PT
CMC - 60i20T	3/4" Ø x 3/4" PT
CMC - 80i20T	1" Ø x 3/4" PT
CMC - 80i25T	1" Ø x 1" PT

型式	規格
SS316 - 喫入式接頭 (彎外牙)	
CME - 03m03T	3 Ø x 1/8" PT
CME - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT
CME - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT
CME - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CME - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT
CME - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT
CME - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT
CME - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CME - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT
CME - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT
CME - 10m03T	10 Ø x 1/8" PT
CME - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CME - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT
CME - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT
CME - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT
CME - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT
CME - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT
CME - 15m15T	15 Ø x 1/2" PT
CME - 16m15T	16 Ø x 1/2" PT
CME - 16m20T	16 Ø x 3/4" PT
CME - 18m15T	18 Ø x 1/2" PT
CME - 18m20T	18 Ø x 3/4" PT
CME - 19m15T	19 Ø x 1/2" PT
CME - 19m20T	19 Ø x 3/4" PT
CME - 20m20T	20 Ø x 3/4" PT
CME - 22m20T	22 Ø x 3/4" PT
CME - 25m20T	25 Ø x 3/4" PT
CME - 25m25T	25 Ø x 1" PT
CME - 10i03T	1/8" Ø x 1/8" PT
CME - 20i03T	1/4" Ø x 1/8" PT
CME - 20i06T	1/4" Ø x 1/4" PT
CME - 20i10T	1/4" Ø x 3/8" PT
CME - 20i15T	1/4" Ø x 1/2" PT
CME - 25i03T	5/16" Ø x 1/8" PT
CME - 25i06T	5/16" Ø x 1/4" PT
CME - 25i10T	5/16" Ø x 3/8" PT
CME - 25i15T	5/16" Ø x 1/2" PT
CME - 30i03T	3/8" Ø x 1/8" PT
CME - 30i06T	3/8" Ø x 1/4" PT
CME - 30i10T	3/8" Ø x 3/8" PT
CME - 30i15T	3/8" Ø x 1/2" PT
CME - 40i06T	1/2" Ø x 1/4" PT
CME - 40i10T	1/2" Ø x 3/8" PT
CME - 40i15T	1/2" Ø x 1/2" PT
CME - 50i15T	5/8" Ø x 1/2" PT
CME - 50i20T	5/8" Ø x 3/4" PT
CME - 60i15T	3/4" Ø x 1/2" PT
CME - 60i20T	3/4" Ø x 3/4" PT
CME - 80i20T	1" Ø x 3/4" PT
CME - 80i25T	1" Ø x 1" PT





不銹鋼接頭 系列


喚入式接頭

CHELIC


喚入式接頭

型式	規格
SS316 - 喚入式接頭 (直內牙)	
	
CCF - 03m03T	3 Ø x 1/8" PT
CCF - 03m06T	3 Ø x 1/4" PT
CCF - 04m03T	4 Ø x 1/8" PT
CCF - 04m06T	4 Ø x 1/4" PT
CCF - 06m03T	6 Ø x 1/8" PT
CCF - 06m06T	6 Ø x 1/4" PT
CCF - 06m10T	6 Ø x 3/8" PT
CCF - 06m15T	6 Ø x 1/2" PT
CCF - 08m03T	8 Ø x 1/8" PT
CCF - 08m06T	8 Ø x 1/4" PT
CCF - 08m10T	8 Ø x 3/8" PT
CCF - 08m15T	8 Ø x 1/2" PT
CCF - 10m03T	10 Ø x 1/8" PT
CCF - 10m06T	10 Ø x 1/4" PT
CCF - 10m10T	10 Ø x 3/8" PT
CCF - 10m15T	10 Ø x 1/2" PT
CCF - 12m06T	12 Ø x 1/4" PT
CCF - 12m10T	12 Ø x 3/8" PT
CCF - 12m15T	12 Ø x 1/2" PT
CCF - 15m15T	15 Ø x 1/2" PT
CCF - 16m15T	16 Ø x 1/2" PT
CCF - 16m20T	16 Ø x 3/4" PT
CCF - 18m15T	18 Ø x 1/2" PT
CCF - 18m20T	18 Ø x 3/4" PT
CCF - 19m15T	19 Ø x 1/2" PT
CCF - 19m20T	19 Ø x 3/4" PT
CCF - 20m20T	20 Ø x 3/4" PT
CCF - 22m20T	22 Ø x 3/4" PT
CCF - 25m20T	25 Ø x 3/4" PT
CCF - 25m25T	25 Ø x 1" PT
CCF - 10i03T	1/8" Ø x 1/8" PT
CCF - 10i06T	1/8" Ø x 1/4" PT
CCF - 20i03T	1/4" Ø x 1/8" PT
CCF - 20i06T	1/4" Ø x 1/4" PT
CCF - 20i10T	1/4" Ø x 3/8" PT
CCF - 20i15T	1/4" Ø x 1/2" PT
CCF - 25i03T	5/16" Ø x 1/8" PT
CCF - 25i06T	5/16" Ø x 1/4" PT
CCF - 25i10T	5/16" Ø x 3/8" PT
CCF - 25i15T	5/16" Ø x 1/2" PT
CCF - 30i03T	3/8" Ø x 1/8" PT
CCF - 30i06T	3/8" Ø x 1/4" PT
CCF - 30i10T	3/8" Ø x 3/8" PT
CCF - 30i15T	3/8" Ø x 1/2" PT
CCF - 40i06T	1/2" Ø x 1/4" PT
CCF - 40i10T	1/2" Ø x 3/8" PT
CCF - 40i15T	1/2" Ø x 1/2" PT
CCF - 40i20T	1/2" Ø x 3/4" PT
CCF - 50i10T	5/8" Ø x 3/8" PT
CCF - 50i15T	5/8" Ø x 1/2" PT
CCF - 50i20T	5/8" Ø x 3/4" PT
CCF - 60i15T	3/4" Ø x 1/2" PT
CCF - 60i20T	3/4" Ø x 3/4" PT
CCF - 80i20T	1" Ø x 3/4" PT
CCF - 80i25T	1" Ø x 1" PT

型式	規格
SS316 - 喚入式接頭 (直由任)	
	
CVU2 - 03m	3 Ø
CVU2 - 04m	4 Ø
CVU2 - 05m	5 Ø
CVU2 - 06m	6 Ø
CVU2 - 08m	8 Ø
CVU2 - 10m	10 Ø
CVU2 - 12m	12 Ø
CVU2 - 14m	14 Ø
CVU2 - 15m	15 Ø
CVU2 - 16m	16 Ø
CVU2 - 18m	18 Ø
CVU2 - 19m	19 Ø
CVU2 - 20m	20 Ø
CVU2 - 22m	22 Ø
CVU2 - 25m	25 Ø
CVU2 - 10i	1/8" Ø
CVU2 - 15i	3/16" Ø
CVU2 - 20i	1/4" Ø
CVU2 - 25i	5/16" Ø
CVU2 - 30i	3/8" Ø
CVU2 - 40i	1/2" Ø
CVU2 - 50i	5/8" Ø
CVU2 - 60i	3/4" Ø
CVU2 - 80i	1" Ø

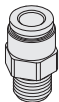
型式	規格
SS316 - 喚入式接頭 (彎由任)	
	
CUE - 10i	1/8" Ø
CUE - 15i	3/16" Ø
CUE - 20i	1/4" Ø
CUE - 25i	5/16" Ø
CUE - 30i	3/8" Ø
CUE - 40i	1/2" Ø
CUE - 50i	5/8" Ø
CUE - 60i	3/4" Ø
CUE - 80i	1" Ø

型式	規格
SS316 - 喚入式接頭 (三通由任)	
	
CUT - 10i	1/8" Ø
CUT - 15i	3/16" Ø
CUT - 20i	1/4" Ø
CUT - 25i	5/16" Ø
CUT - 30i	3/8" Ø
CUT - 40i	1/2" Ø
CUT - 50i	5/8" Ø
CUT - 60i	3/4" Ø
CUT - 80i	1" Ø

型式	規格
SS316 - 喚入式接頭 (異徑直由任)	
	
CRU - 06m08m	6 Ø x 6 Ø
CRU - 06m10m	6 Ø x 10 Ø
CRU - 08m12m	8 Ø x 12 Ø
CRU - 10m12m	10 Ø x 12 Ø
CRU - 12m14m	12 Ø x 14 Ø
CRU - 12m19m	12 Ø x 19 Ø
CRU - 06m20i	6 Ø x 1/4" Ø
CRU - 06m30i	6 Ø x 3/8" Ø
CRU - 06m40i	6 Ø x 1/2" Ø
CRU - 08m20i	8 Ø x 1/4" Ø
CRU - 08m30i	8 Ø x 3/8" Ø
CRU - 08m40i	8 Ø x 1/2" Ø
CRU - 10m40i	10 Ø x 1/2" Ø
CRU - 10m50i	10 Ø x 5/8" Ø
CRU - 12m20i	12 Ø x 1/4" Ø
CRU - 12m30i	12 Ø x 3/8" Ø
CRU - 12m40i	12 Ø x 1/2" Ø
CRU - 19m40i	19 Ø x 1/2" Ø
CRU - 10i20i	1/8" Ø x 1/2" Ø
CRU - 10i30i	1/8" Ø x 3/8" Ø
CRU - 10i40i	1/8" Ø x 1/2" Ø
CRU - 20i30i	1/4" Ø x 3/8" Ø
CRU - 20i40i	1/4" Ø x 1/2" Ø
CRU - 30i40i	3/8" Ø x 1/2" Ø
CRU - 40i50i	1/2" Ø x 5/8" Ø

型式	規格
SS316 - 喚入式接頭 (隔板由任)	
	
CBU - 06m	6 Ø
CBU - 08m	8 Ø
CBU - 10m	10 Ø
CBU - 12m	12 Ø
CBU - 20i	1/4" Ø
CBU - 25i	5/16" Ø
CBU - 30i	3/8" Ø
CBU - 40i	1/2" Ø

- SQ □ 接頭系列
- MSQ □ 迷你型接頭
- SP □ 柱塞/連接管
- SQ □ J 插管式接頭
- SQR □ 逆止接頭
- SQ □ G 壓力計接頭
- RQL L型 迴轉接頭
- M □ 極小型接頭
- 不銹鋼接頭
- 鋼接頭
- 金屬接頭
- SC 調速閥
- QS □ 調速接頭
- QMC 金屬 調速接頭
- QT 附消音器 排氣節流閥
- QH □ 手動開關
- QV □ 球形開關
- QST 面板式 調速接頭
- PU管



不銹鋼接頭 系列

喫入式接頭 - 配件

氣立可空氣壓設備

● 喫入式接頭 - 配件

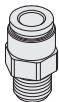
型式	規格
SS316 - 喫入式接頭 (螺帽)	
N - 03m	3 Ø
N - 04m	4 Ø
N - 05m	5 Ø
N - 06m	6 Ø
N - 08m	8 Ø
N - 10m	10 Ø
N - 12m	12 Ø
N - 14m	14 Ø
N - 15m	15 Ø
N - 16m	16 Ø
N - 18m	18 Ø
N - 19m	19 Ø
N - 20m	20 Ø
N - 22m	22 Ø
N - 25m	25 Ø
N - 10i	1/8" Ø
N - 15i	3/16" Ø
N - 20i	1/4" Ø
N - 25i	5/16" Ø
N - 30i	3/8" Ø
N - 40i	1/2" Ø
N - 50i	5/8" Ø
N - 60i	3/4" Ø
N - 80i	1" Ø

型式	規格
SS316 - 喫入式接頭 (心套)	
FF - 03m	3 Ø
FF - 04m	4 Ø
FF - 05m	5 Ø
FF - 06m	6 Ø
FF - 08m	8 Ø
FF - 10m	10 Ø
FF - 12m	12 Ø
FF - 14m	14 Ø
FF - 15m	15 Ø
FF - 16m	16 Ø
FF - 18m	18 Ø
FF - 19m	19 Ø
FF - 20m	20 Ø
FF - 22m	22 Ø
FF - 25m	25 Ø
FF - 10i	1/8" Ø
FF - 15i	3/16" Ø
FF - 20i	1/4" Ø
FF - 25i	5/16" Ø
FF - 30i	3/8" Ø
FF - 40i	1/2" Ø
FF - 50i	5/8" Ø
FF - 60i	3/4" Ø
FF - 80i	1" Ø

型式	規格
SS316 - 喫入式接頭 (襯管)	
IN - 04m	4 Ø
IN - 06m	6 Ø
IN - 08m	8 Ø
IN - 10m	10 Ø
IN - 12m	12 Ø
IN - 14m	14 Ø
IN - 16m	16 Ø
IN - 19m	19 Ø
IN - 20i	1/4" Ø
IN - 25i	5/16" Ø
IN - 30i	3/8" Ø
IN - 40i	1/2" Ø
IN - 50i	5/8" Ø
IN - 60i	3/4" Ø

型式	規格
SS316 - 喫入式接頭 (塞頭)	
M - 06m	6 Ø
M - 08m	8 Ø
M - 10m	10 Ø
M - 12m	12 Ø
M - 20i	1/4" Ø
M - 25i	5/16" Ø
M - 30i	3/8" Ø
M - 40i	1/2" Ø

型式	規格
SS316 - 喫入式接頭 (管帽)	
CAP - 06m	6 Ø
CAP - 08m	8 Ø
CAP - 10m	10 Ø
CAP - 12m	12 Ø
CAP - 20i	1/4" Ø
CAP - 25i	5/16" Ø
CAP - 30i	3/8" Ø
CAP - 40i	1/2" Ø



不銹鋼接頭 系列

針閥類

CHELIC


針閥


產品特色

- 材質：SUS304 / SUS316
- 耐酸鹼、控制流量。
- 精確調整流量。
- 擁有多種尺寸可供搭配組合。

型式	規格
SS304 - 內牙針閥 (耐壓 400 kg)	
	
CVF - 03T	1/8" PT
CVF - 06T	1/4" PT
CVF - 10T	3/8" PT
CVF - 15T	1/2" PT
CVF - 20T	3/4" PT
CVF - 25T	1" PT

型式	規格
SS316 - 內牙針閥 (耐壓 400 kg)	
	
CVF-3 - 03T	1/8" PT
CVF-3 - 06T	1/4" PT
CVF-3 - 10T	3/8" PT
CVF-3 - 15T	1/2" PT
CVF-3 - 20T	3/4" PT
CVF-3 - 25T	1" PT

型式	規格
SS304 - 喫入式針閥 (耐壓 210 kg)	
	
CVT - 06m	6 Ø
CVT - 08m	8 Ø
CVT - 10m	10 Ø
CVT - 12m	12 Ø
CVT - 20i	1/4" Ø
CVT - 30i	3/8" Ø
CVT - 40i	1/2" Ø

型式	規格
SS316 - 喫入式球閥 (耐壓 70 kg)	
	
CBV - 20i	1/4" Ø
CBV - 30i	3/8" Ø
CBV - 40i	1/2" Ø
CBV - 60i	3/4" Ø

型式	規格
SS304 - 外牙逆止閥 (耐壓 30 kg)	
	
CVM - 03T	1/8" PT
CVM - 06T	1/4" PT
CVM - 10T	3/8" PT

型式	規格
SS304 - 內牙逆止閥 (耐壓 30 kg)	
	
CVE - 03T	1/8" PT
CVE - 06T	1/4" PT
CVE - 10T	3/8" PT
CVE - 15T	1/2" PT
CVE - 20T	3/4" PT

SQ □
接頭系列

MSQ □
迷你型接頭

SP □
柱塞/連接管

SQ □ **J**
插管式接頭

SQR □
逆止接頭

SQ □ **G**
壓力計接頭

RQL
L型
迴轉接頭

M □
極小型接頭

不銹鋼接頭

銅接頭

金屬接頭

□ **SC**
調速閥

QS □
調速接頭

QMC
金屬
調速接頭

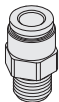
QT
附消音器
排氣節流閥

QH □
手動開關

QV □
球形開關

QST
面板式
調速接頭

PU 管



不銹鋼接頭 系列

雙閉式快速接頭

氣立可空氣壓設備

► 雙閉式快速接頭

產品特色

- 材質：SUS304
- 最大耐壓 60 kg/cm²
- 耐酸鹼，耐高溫，氣密度高。
- 用於各式金屬管與不同尺寸的金屬管。
- 任何時候，母體和宮體的閥門皆為完全打開，流體流通。
- 擁有多種尺寸可供搭配組合。

應用範圍

- 用於液態流體（水、油、酸鹼液.....等）氣體流動配管連接。
- 應用於流量大、黏度高的液體、蒸氣及粉狀體。
- 醫療設備、農業器具、機械零件組裝。
- 食品工業、化學工業、石化工業、水處理產業、洗車機皆適用。

型式	規格
SS304 - 暢通式快速接頭	
CTSM - 1	1/8" PT
CTSM - 2	1/4" PT
CTSM - 3	3/8" PT
CTSM - 4	1/2" PT
CTSM - 6	3/4" PT
CTSM - 8	1" PT
CTSM - 10	1 1/4" PT
CTSM - 12	1 1/2" PT
CTSM - 16	2" PT

型式	規格
SS304 - 暢通式快速接頭	
CTSF - 1	1/8" PT
CTSF - 2	1/4" PT
CTSF - 3	3/8" PT
CTSF - 4	1/2" PT
CTSF - 6	3/4" PT
CTSF - 8	1" PT
CTSF - 10	1 1/4" PT
CTSF - 12	1 1/2" PT
CTSF - 16	2" PT

型式	規格
SS304 - 暢通式快速接頭	
CTSH - 2	1/4" PT
CTSH - 25	5/16" PT
CTSH - 3	3/8" PT
CTSH - 4	1/2" PT
CTSH - 6	3/4" PT
CTSH - 8	1" PT
CTSH - 10	1 1/4" PT
CTSH - 12	1 1/2" PT
CTSH - 16	2" PT

型式	規格
SS304 - 暢通式快速接頭	
CTPM - 1	1/8" PT
CTPM - 2	1/4" PT
CTPM - 3	3/8" PT
CTPM - 4	1/2" PT
CTPM - 6	3/4" PT
CTPM - 8	1" PT
CTPM - 10	1 1/4" PT
CTPM - 12	1 1/2" PT
CTPM - 16	2" PT

型式	規格
SS304 - 暢通式快速接頭	
CTPF - 1	1/8" PT
CTPF - 2	1/4" PT
CTPF - 3	3/8" PT
CTPF - 4	1/2" PT
CTPF - 6	3/4" PT
CTPF - 8	1" PT
CTPF - 10	1 1/4" PT
CTPF - 12	1 1/2" PT
CTPF - 16	2" PT

型式	規格
SS304 - 暢通式快速接頭	
CTPH - 2	1/4" PT
CTPH - 25	5/16" PT
CTPH - 3	3/8" PT
CTPH - 4	1/2" PT
CTPH - 6	3/4" PT
CTPH - 8	1" PT
CTPH - 10	1 1/4" PT
CTPH - 12	1 1/2" PT
CTPH - 16	2" PT